**Tiếng Việt(Luyện từ và câu): BIỆN PHÁP NHÂN HÓA (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hình thành khái niệm nhân hoá.

- Nhận diện được nhân hoá và tác dụng của nhân hoá, biết viết 1 – 2 câu có sử dụng nhân hoá.

**2. Năng lực chung.**

**-** Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: : vận dụng.

- Năng lực giao tiếp hợp tác: hoạt động nhóm, thi đua.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-HS : SHS, VBT

-GV: Máy chiếu

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **1. Khởi động.(5p)**  **- Mục tiêu:**  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  **- Cách tiến hành:** | | |
| - GV tổ chức trò chơi “Tôi bảo”  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | | - Quản trò cho Hs chơi  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện từ và câu (25p)**  **- Mục tiêu:Hình thành khái niệm nhân hóa, nhận diện biện pháp nhân hóa, Đặt câu có sử dụng biện pháp nhân h*óa.***  **- Cách tiến hành:** | | |
| **2.1** Hình thành khái niệm nhân hoá  **Bài 1**: HS xác định yêu cầu của BT 1.  - HS thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.  - 1 − 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.  -GV nhận xét kết quả.  **Bài 2.** HS xác định yêu cầu của BT  - HS thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu. − 1 − 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.  - GV nhận xét ra ra ghi nhớ về biện pháp nhân hóa  **2.2 Nhận diện biện pháp nhân hóa.**  -HS xác định yêu cầu của BT 3a.  - HS thực hiện yêu cầu trong nhóm 4.    -GVNX  – HS xác định yêu cầu của BT 3b.  − 1 − 2 HS trả lời cá nhân.  – HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.  **2.3. Đặt câu có sử dụng biện pháp nhân hóa**  – HS xác định yêu cầu của BT 4.    – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động. | | - Thảo luận  -Chia sẻ trước lớp  a. cửa sổ – chị, cổ thụ – bảo.  b. nhắc chị cửa sổ; lắc lắc cành cây, giục bác cổ thụ; tìm hoa; đưa hương tặng bướm, ong.  c. Chọn đáp án Làm cho sự vật trở nên sinh động, gần gũi, đáng yêu.) – HS nghe bạn và  Đáp án  a. Bài đồng dao nhắc đến con trâu.  b. Từ ngữ cho thấy tác giả trò chuyện rất thân mật với trâu: ơi, bảo trâu này, ta đây trâu đấy.  c. Cách trò chuyện ấy giúp em cảm thấy tác giả rất yêu quý và thân thiết với trâu, xem trâu như một người bạn.)  1 − 2 nhắc lại nội dung ghi nhớ.  -T/luận  - 1 − 2 nhóm HS chia sẻ kết quả.  Đáp án:   |  |  | | --- | --- | | Sự vật được nhân hoá | Từ ngữ dùng để nhân hoá | | bình minh | treo, thả | | Gió | mang theo, cho | | Tàu | mẹ, con | | Xe | anh, em: tíu tít nhận hàng, chở hang |   -NX  *-Sử dụng biện pháp nhân hoả làm cho các sự vật trở nên sinh động, gần gũi, giàu cảm xúc vì có hoạt động, tình cảm giống con người*  – HS nói trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ 1 – 2 câu về một trong các vật có trong hình, trong câu có sử dụng biện pháp nhân hoá.( Bác gà trống cất tiếng gáy vang gọi mọi người thức dậy. Tiếng bắc đường như đã trở thành tiếng chuông báo thức, rộn vang cả xóm làng)  – HS viết 1 – 2 câu vừa nói vào VBT. |
| **3. Vận dụng. (5p)**  – Vận dung vào tiêt học  - NX tiết học  - Dặn dò | | |
| * Các em thi đọc một vài câu thơ có sử dụng biện pháp nhân hóa * GV NX | * Đọc thơ * NX | |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |